DANH MỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH BẮC GIANG BAN HÀNH CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ HOẶC BAN HÀNH MỚI KỲ 2019-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 387 /QĐ-UBND ngày 29 /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
I. LĨNH VỰC AN NINH - QUỐC PHÒNG (03 văn bản)							
1	Quyết định	95/2013/QĐ-UBND ngày 01/4/2013	Ban hành Quy chế phối hợp, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Phần căn cứ pháp lý ban hành: văn bản QPPL là căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng các văn bản QPPL khác: Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 05/11/2001 của Chính phủ hướng dẫn việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở trong nước; Nghị định số 45/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn việc nhập khẩu mẫu, lấy mẫu, quản lý sử dụng mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần vì mục đích quốc phòng, an ninh; Quyết định số 52/2011/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy. Các nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành do Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy đã quy định các cơ	Công an tỉnh	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 4/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy phối hợp tham mưu, chỉ đạo; phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; phối hợp trao đổi thông tin; phối hợp thực hiện các biện pháp nghiệp vụ; đấu tranh chuyên án và điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc cụ thể... Trong đó, hình thức phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy là trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình liên quan đến nội dung phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thông qua các hình thức làm việc trực tiếp, qua các phương tiện thông tin, gửi văn bản... Triển khai các kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng, chống ma túy. Tuần tra kiểm soát liên ngành; xây dựng và triển khai các kế hoạch nghiệp vụ, xác lập chuyên án chung phối hợp đấu tranh với tội phạm về ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm...		
2	Quyết định	376/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014	Ban hành khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa	Thay thế	Đã trình UBND tỉnh phiên họp tháng 01/2024[1]	Công an tỉnh	Tháng 01/2024

[1] được thay thế bằng Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 Ban hành Quy định về khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang00000

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			bàn tỉnh Bắc Giang				
3	Nghị quyết		về mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Ban hành mới	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh bắc Giang. Mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người đuoajc giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành	Công an tỉnh	Tháng 7/2024[2]
II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP (01 văn bản)							
1	Quyết định	21/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017	Quy định về tiền thuê cơ sở hạ tầng và giá tiền sử dụng hạ tầng khu phía bắc, Khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng	Bãi bỏ	- Căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực thi hành : Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012 được thay thế bằng Luật Giá năm 2023 (hiệu lực thi hành ngày 01/7/2024), theo đó, giá tiền sử dụng hạ tầng không còn phù hợp.	Ban Quản lý CKCN	Sau khi Chính phủ, Bộ ngành Trung ương ban hành Nghi định, Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn Luật Giá năm 2023
III. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (03 văn bản)							
1	Quyết định	70/2010/QĐ-UBND ngày 29/06/2010	Ban hành Quy chế xét công nhận làng nghề, làng nghề	Bãi bỏ	- Một số văn bản trong phần căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006	Sở Công thương	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng

[2] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			truyền thống và xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề vào phát triển ở nông thôn tỉnh Bắc Giang		của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn - Viện dẫn vào các văn bản đến nay hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Điều 4, Điều 9, Điều 14 viện dẫn Điều 11, Điều 12 viện dẫn Thông tư số 116/2006/TT-BNN hết hiệu lực thi hành và được thay thế Nghị định 52/2018/NĐ-CP; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng		6/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
2	Quyết định	360/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xét, công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống và xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề vào phát triển		- Một số văn bản trong phần căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Thông tư số 01/2007/TT-BCN ngày 11/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và hồ sơ xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú; Thông tư số 26/2011/TT-BCT ngày 11/7/2011 của Bộ		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			ở nông thôn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang		Công Thương sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại Thông tư số 01/2007/TT-BCN ngày 11/01/2007 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và hồ sơ xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ - Viện dẫn vào các văn bản đến nay hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Điều 1 viện dẫn Thông tư số 01/2007/TT-BCN và Thông tư số 26/2011/TT-BCT hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 123/2014/NĐ-CP.		
3	Quyết định	23/2022/QĐ - UBND, ngày 27/7/2022	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý ban hành:Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2023/TTBCT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Sở Công Thương	Tháng 7/2024[3]

[3] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					- Một số nội dung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương không còn phù hợp: - Khoản 1, Điều 1 (Vị trí và chức năng) không còn phù hợp với khoản 1, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Điểm d, khoản 1, Điều 2 không còn phù hợp với khoản 2, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Đoạn 5, điểm c, khoản 4, Điều 2 không còn phù hợp với khoản 3, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Đoạn 9, điểm c, khoản 4, Điều 2 không còn phù hợp với khoản 4, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Bãi bỏ đoạn 3, điểm g, khoản 4, Điều 2 theo khoản 5, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Đoạn 4, điểm l, khoản 4, Điều 2 không còn phù hợp với khoản 6, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Đoạn 1, điểm a, khoản 5, Điều 2 không còn phù hợp với khoản 8, Điều 1 TT 15/2023/TT-BCT; - Bổ sung thêm nhiệm vụ tại khoản 4, Điều 2: “Quản lý nhà nước và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng”. - Nội dung cần bổ sung: nhiệm vụ “Về dịch vụ logistics” tại khoản 5, Điều 2.		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
IV. LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 văn bản)							
1	Nghị quyết		Về chính sách bảo tồn, phát huy tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Ban hành mới	Nội dung cơ bản của Nghị quyết: Hỗ trợ người truyền dạy. Hỗ trợ học viên. Hỗ trợ kinh phí cho các thôn để mua sắm bảng phấn tiêu chuẩn phục vụ cho việc truyền dạy tiếng dân tộc thiểu số tại cộng đồng.	Ban Dân tộc	Tháng 7/2024[4]
2	Quyết định	495/2014/QĐ-UBND ngày 01/8/ 2014	Ban hành Quy định tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Quyết định đã không còn thực hiện trên thực tiễn, tuy nhiên, không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây: 1. Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản. 2. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó. 3. Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện	Ban Dân tộc	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

[4] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					hành, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương.		
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO (01 văn bản)							
1	Quyết định	12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017	Ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	- Phần căn cứ pháp lý ban hành có một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1994. + Thông tư số 26/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2000 của liên Bộ: Bộ Lao động và xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với lao động làm việc trong các cơ sở ngoài công lập. - Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương. Hiện nay, Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 Quy định nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang điều chỉnh các nội dung Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 nêu trên gây lên chồng chéo trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản này.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
VI. LĨNH VỰC GIAO THÔNG (01 văn bản)							
1	Quyết định	47/2021/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	Ban hành Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bãi đỗ	Sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành một phần do được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản khác: + Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng	Sở Giao thông vận tải	Tháng 10/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô + Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ - Một số nội dung viện dẫn văn bản QPPL tại thời điểm ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên, tại thời điểm rà soát văn bản này đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					An toàn cháy cho nhà và công trình được thay thế bằng Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình		
VII. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ (02 văn bản)							
1	Quyết định	29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý chính là Luật Đấu thầu 2013 đã được thay thế bằng Luật Đấu thầu 2023, có hiệu lực từ 01/01/2024; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu đã hết hiệu lực từ 01/01/2024 và sẽ được thay thế bằng nghị định mới (dự kiến ban hành trong quý I/2024). Bên cạnh đó, Chính phủ đã hành Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng có một số nội dung về phân cấp quản lý trong hoạt động xây dựng thay đổi so với quy định kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3/2024[5]
2	Quyết định	30/2021/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	Quy định một số một số nội dung về quản lý và trình tự thực hiện đầu tư dự án khu đô thị, khu	Sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý chính là Luật Đấu thầu 2013 đã được thay thế bằng Luật Đấu thầu 2023, có hiệu lực từ 01/01/2024; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7/2024[6]

[5] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

[6] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			dân cư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư hết hiệu lực từ 01/01/2025 và sẽ được thay thế bằng nghị định mới (dự kiến ban hành trong quý IV/2024).		
VIII. LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ (02 văn bản)							
1	Quyết định	33/2020/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành hết hiệu lực thi hành: - Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT -BTC - BKHCN ngày 22/4/2015 liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thay thế bằng Thông tư số 03/2023/TT -BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/02/2023); -Thông tư số 02/2023/TT - BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm	Sở Khoa học và công nghệ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 5/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/6/2023). Hiện nay, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 Quy định về định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản này để đảm bảo thống nhất, tránh chông chéo trong văn bản QPPL của địa phương.		
2	Quyết định	40/2020/QĐUBND ngày 27/11/2020	Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang	Thay thế	Căn cứ pháp lý ban hành hết hiệu lực thi hành: - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ KH&CN Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ KH&CN Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Quy	Sở Khoa học và công nghệ	Tháng 12/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ được thay thế bằng Thông tư số 20/2023/TTBKHCN ngày 12/10/2023 Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Theo đó các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND không còn phù hợp. Bổ sung các điều quy định Chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định; Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định; Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định; Lưu giữ quản lý hồ sơ gốc và công khai thông tin; Huỷ kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; Chuyên gia tư vấn độc lập.		
IX. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (04 văn bản)							
1	Quyết định	514/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	Ban hành Quy định chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và miễn, giảm đối	Bãi bỏ	Văn bản pháp luật là căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực thi hành, cụ thể: Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 Nội dung không còn phù hợp: Điều 6, khoản 2	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 9/2024[7] - Thời gian Sở

[7] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh		Điều 7 viện dẫn Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; con của người được hưởng chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội Khoản 1 Điều 7 viện dẫn Thông tư liên tịch số 95/2007/TTLT/BTC- BLĐTBXH ngày 07/8/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về phí giới thiệu việc làm hết hiệu lực do thay thế bởi Thông tư số 72/2016/TT-BTC ngày 18/5/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng dịch vụ việc làm (05/7/2016 - 31/12/2016 từ ngày 01/01/2017 phí dịch vụ việc làm chuyển)		Tư pháp trình: tháng 4/2024
2	Quyết định	25/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	Quy định các khoản đóng góp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị, phục hồi chức năng đối với người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tự nguyện tại Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Văn bản pháp luật là căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực thi hành, cụ thể: - Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội được thay thế bằng Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động; giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 6/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được thay thế bằng Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội - Thông tư số 07/2009/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội được thay thế bằng Thông tư số 04/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 2 năm 2011 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội được thay thế bằng Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội - Thông tư số 115/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2020 (đã hết giai đoạn thực hiện - giai đoạn 2011-2020) có Điều 1; Điều 2; điểm a, b và c khoản 1 Điều 3; điểm a, b, c và đ khoản 3 Điều 3; khoản 5 và khoản 10 Điều 3, Điều 4 và Điều 5 bị bãi bỏ một phần nội dung bởi Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030. Hiện nay, Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030 điều chỉnh các nội dung: Nội dung và mức chi chung của các chương trình; Nội dung và mức chi đặc thù của Chương trình phát triển công tác xã hội, Nội dung và mức chi đặc thù của Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					tâm thần và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng… - Một số nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành: - Về nội dung: quy định về các khoản đóng góp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị, phục hồi chức năng đối với người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tự nguyện tại Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 không còn phù hợp với quy định pháp luật		
3	Quyết định	13/2022/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã được sửa đổi bổ sung, cụ thể: Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, c nhân nước ngoài tại Việt Nam đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 70/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 152/2020/NĐCP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. Về nội dung: - Toàn bộ thủ tục chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động, thu hồi giấy phép	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Tháng 7/2024[8]

[8] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					lao động cho người lao động nước ngoài hiện nay thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – TB&XH. Do vậy, nội dung của Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.		
4	Quyết định		Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn	Ban hành mới	1. Căn cứ pháp lý ban hành: - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. 2. Nội dung cơ bản của Quyết định: ban hành Quy chế quản công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Tháng 7/2024[9]
X. LĨNH VỰC NGOẠI VỤ (02 văn bản)							
1	Quyết định	375/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	Ban hành Quy định về công tác lễ tân trong việc đón, tiếp	Bãi bỏ	- Phần căn cứ pháp lý ban hành có một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Nghị định 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Ngoại vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: 5/2024[10]

[9] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024
[10] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			khách nước ngoài đến thăm, làm việc và tham dự các hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài bị bãi bỏ bởi Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bị bãi bỏ bởi Quyết định số 39/2016/QĐ-TTg ngày 16/9/2016 Bãi bỏ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Nghị định số 18/2022/NĐ-CP ngày 18/2/2022 về nghi lễ đối ngoại (thay thế nội dung Nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài (từ Chương 8 đến Chương 13) tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài)		- Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
					- Một số nội dung không còn phù hợp của Quyết định: + Phạm vi điều chỉnh của Quyết định cần được mở rộng. + Về nguyên tắc đón, tiếp khách nước ngoài:		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					chưa có tính thống nhất tương đối về mức độ và nghi lễ khi tổ chức đón, tiếp một đoàn khách nước ngoài thăm nhiều địa phương trong một chuyến thăm. + Nghi lễ đón tiếp quy định tại Chương II, III, IV, V, VI của quyết định cần phải điều chỉnh		
2	Quyết định	82/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	Ban hành Quy chế quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Nội dung không còn phù hợp của Quyết định: - Đối tượng thuộc diện BTV Tỉnh uỷ quản lý đã bị điều chỉnh. - Một số điểm chưa thống nhất với Quy chế số 15-QC/TU của Tỉnh ủy ngày 20/02/2020 về Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh Bắc Giang như: Khoản 5, Điều 4: "người đứng đầu, cấp phó của người đứng dầu các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội đặc thù thuộc UBND tỉnh" không còn phù hợp. - Quyết định số 82/2021/QĐ-UBND chưa có quy định đối với đoàn hỗn hợp có thành phần là cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh uỷ quản lý công tác trong các khối cơ quan khác nhau. - Đầu mối tiếp nhận hồ sơ xin phép xuất cảnh hiện tại không thống nhất với Quy chế số 15-QC/TU.	Sở Ngoại vụ	Tháng 9/2024
XI. LĨNH VỰC NỘI VỤ (17 văn bản)							
1	Nghị quyết		về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức,	Ban hành mới	- Về phạm vi điều chỉnh: quy định về đối tượng, xác định đối tượng dôi dư, chính sách, định mức và hình thức hỗ trợ cán bộ, công	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã		chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã. - Về đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng được điều động, biệt phái về làm việc tại thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn (mới) do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện. - Nghị quyết quy định về định mức, hình thức hỗ trợ, theo đó các đối tượng khác nhau thì có mức hộ trợ khác nhau.		nghị: tháng 7/2024[11]
2	Quyết định	195/2015/QĐ UBND ngày 12/5/2015	Ban hành quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán	Bãi bỏ	Phần căn cứ pháp lý: Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề

[11] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang		viên chức được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		nghị: tháng 8/2024[12] - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
					- Một số nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành: + Khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8 viện dẫn đến Nghị định số 18/2010/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 101/2017/NĐ-CP. + Khoản 2 Điều 4 viện dẫn đến Thông tư số 19/2014/TT-BNV hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số 01/2018/TT-BNV. + Điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 6, khoản 5 Điều 8, khoản 2 Điều 13, Điều 14 viện dẫn đến Thông tư số 03/2011/TT-BNV đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác. + Điều 6: ++ Điểm a khoản 1 quy định về điều kiện, tiêu chuẩn cử cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học quy định: "Đối với cán bộ, công chức: … **có cam kết**		

[12] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo" không phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định điều kiện đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức: **"Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo".** ++ Điểm c khoản 2 quy định về điều kiện, tiêu chuẩn cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học quy định "**Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo (đối với cán bộ, công chức),** trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo (đối với viên chức)" không phù hợp với khoản 1 Điều 5 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định đối tượng, điều kiện đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học "Cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số … **phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo**".		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					+ Điểm c khoản 1 Điều 9 quy định cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước có các quyền lợi "**Được hưởng chế độ khuyến khích đào tạo trình độ Tiến sỹ theo quy định tại Điều 11 Quy định này**" (Điều 11 đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc bãi bỏ Điều 11 của Quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 195/2015/QĐ-UBND.)		
3	Quyết định	19/2009/QĐ-UBND ngày 18/3/2009	Về việc sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với cán bộ thú y cơ sở	Bãi bỏ	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Pháp lệnh Thú y ngày 12/5/2004 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Thú y ngày 19/6/2015 + Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y - Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của các Quyết định này là quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với cán bộ thú y cơ sở, tuy nhiên, hiện	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 12/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
4	Quyết định	55/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010	Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 và Điều 4 Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			công tác quản lý đối với cán bộ thú y cơ sở		nay trên địa bàn tỉnh không còn đối tượng này theo quy định pháp luật hiện hành (Kết luận số 226-KL/TU ngày 09/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương tiếp tục sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; cán bộ khuyến nông, thú y cơ sở; việc bố trí công an xã chính quy. Quyết định của UBND tỉnh thành lập Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp tại 10 huyện, thành phố trên cơ sở tổ chức lại (sáp nhập) 03 đơn vị: Trạm Chăn nuôi và Thú ý; Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Trạm khuyến nông.) Hiện nay, ngoài các các cán bộ thú y được phân công nhiệm vụ mới thì số cán bộ còn lại được hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc. Do đó, không còn đối tượng cán bộ thú y cơ sở theo Nghị quyết số 46/2019/ND-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư và cán bộ khuyến nông, cán bộ thú y cơ sở nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020-2024.		
5	Quyết định	71/2010/QĐ-UBND ngày 30/6/2010	Về việc quy định số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với	Bãi bỏ	- Căn cứ pháp lý ban hành: Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 12/2024 - Thời gian Sở

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			cán bộ khuyến nông cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		nông - Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quyết định này là quy định số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với cán bộ khuyến nông cơ sở trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên, hiện nay không còn đối tượng này theo quy định pháp luật hiện hành (Kết luận số 226-KL/TU ngày 09/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương tiếp tục sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; cán bộ khuyến nông, thú y cơ sở; việc bố trí công an xã chính quy. - Quyết định của UBND tỉnh thành lập Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp tại 10 huyện, thành phố trên cơ sở tổ chức lại (sáp nhập) 03 đơn vị: Trạm Chăn nuôi và Thú ý; Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Trạm khuyến nông.) Hiện nay, ngoài các cán bộ khuyến nông được phân công nhiệm vụ mới thì số cán bộ còn lại được hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc. Do đó, không còn đối tượng cán bộ khuyến nông; cộng tác viên khuyến nông theo Nghị quyết số 46/2019/ND-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư và cán bộ khuyến nông, cán bộ thú y cơ sở nghỉ		Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					hưu trước tuổi hoặc thôi việc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020-2024.		
6	Quyết định	598/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013	Ban hành Quy định chế độ nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý ban hành: Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động - Một số nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành: Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 viện dẫn: thực hiện theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV… không còn phù hợp vì khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1,2,3,4,5 Thông tư số 03/2021/TT-BNV. - Chưa quy định về điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch công chức hoặc trong chức danh nghề nghiệp viên chức - Sửa đổi điều kiện về số lần được nâng bậc	Sở Nội vụ	Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ[13] xây dựng nội dung: "Nghị định quy định chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (thay thế Nghị định số 204/2004/NĐ CP; đồng thời đề xuất sửa đổi một số Nghị định có liên quan; do đó đề xuất sau

[13] ban hành chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ - Sửa đổi Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên - Sửa đổi Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên - Sửa đổi Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên - Sửa đổi Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên		khi Trung ương ban hành văn bản mới, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành.
7	Quyết định	454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố	Thay thế	- Căn cứ pháp lý ban hành: Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố - Một số nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể: Quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được quy định tại Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Mặt khác, Bộ Nội vụ đang có dự thảo	Sở Nội vụ	Sau khi Bộ Nội vụ đang ban hành Thông tư thay thế Thông tư 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022
8	Quyết định	11/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					Thông tư thay thế 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022.		
9	Quyết định	41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	Ban hành Quy định khen thưởng khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục – đào tạo, khoa học – kỹ thuật, văn hóa – văn nghệ, văn học – nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý ban hành: Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 được thay thế bằng Luật Thi đua, khen thưởng năm 2023 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được thay thế bằng Thông tư 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng - Một số nội dung còn thiếu trong qua trình thực hiện, đề nghị bổ sung: + Bổ sung Khoản 1 Điều 2, Điều 8 đối tượng và mức tiền thưởng đối với cuộc thi giáo dục	Sở Nội vụ	Tháng 5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					an ninh - quốc phòng, "Hội thi Tin học trẻ": + Bổ sung Điểm b, khoản 1, Điều 5; ..."nhà giáo, giáo viên đạt giải tại Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia; nhà giáo, giáo viên đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc" + Bổ sung tại khoản 3, Điều 8: "3.Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên, hội thao thể dục thể thao, Giáo dục Quốc phòng – An ninh… + Bổ sung tại khoản 4, Điều 8: "4. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên, cuộc thi kỹ năng nghề do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.		
10	Quyết định	37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	Ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	- Căn cứ pháp lý ban hành: Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 được thay thế bằng Luật Thi đua, khen thưởng năm 2023 - Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị	Sở Nội vụ	Tháng 5/2024[14]

[14] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được thay thế bằng Thông tư 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng - Một số nội dung trong Quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành: + Điều 8, hồ sơ đề nghị khen thưởng cần bổ sung quy định "ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng". + Điều 3 căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua cần căn cứ đã bỏ căn cứ "Đăng ký tham gia thi đua", bổ sung 02 thêm nguyên tắc khen thưởng đó là: "Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó" và "Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn". + Điểm e, Điều 5 cần bổ sung thêm: đối tượng được tặng Huân chương Lao động, hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"...		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
11	Quyết định	35/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Bãi bỏ	Điều 2 - Sửa đổi Quyết định số 593/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang không còn phù hợp vì Quyết định số 593/2015/QĐ-UBND đã hết hiệu lực thi hành do được thay thế bằng Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang. Các nội dung khác đã được bãi bỏ, do đó toàn bộ nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 3/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
12	Quyết định	05/2020/QĐ-UBND ngày 11/3/2020	Ban hành Quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và bố trí kiêm nhiệm những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	Trình UBND tỉnh phiên họp tháng 01/2024	Sở Nội vụ	Tháng 01/2024
13	Quyết định	38/2020/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	Quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động	Thay thế	Trình UBND tỉnh phiên họp tháng 01/2024	Sở Nội vụ	Tháng 01/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang				
14	Quyết định	16/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	Ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	Thời điểm ban hành áp dụng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp là căn cứ ban hành văn bản. Tuy nhiên, năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Theo đó, quy định về chế độ lao động hợp đồng đã có sự thay đổi: - Khoản 5 Điều 3 quy định: Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước - Điều 7 quy định thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan hành chính được giao biên chế và kinh phí quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ.	Sở Nội vụ	Tháng 4/2024[15]

[15] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					Như vậy, quy định liên quan đến thẩm quyền quản lý lao động hợp đồng cần được sửa đổi cho phù hợp Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.		
15	Quyết định	50/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	Ban hành Quy định một số nội dung về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, số lượng người làm việc, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Điểm c khoản 1 Điều 8 Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND quy định: Giao Sở Nội vụ "xây dựng, ban hành quy trình tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng để triển khai thực hiện trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên". - Về lao động hợp đồng: Thực hiện theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, thẩm quyền ký hợp đồng là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. - Quy trình tuyển dụng viên chức thực hiện theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Việc giao Sở Nội vụ quy định về quy trình tuyển dụng là không bảo đảm căn cứ pháp lý. Do Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh ban hành trước Nghị định số 111 ngày 30/12/2022 của Chính phủ, nên đề nghị sửa nội dung này.	Sở Nội vụ	Tháng 4/2024[16]

[16] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
16	Quyết định	31/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	Ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý và viên chức quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Tại điểm c khoản 1 Điều 4 dẫn chiếu Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức là không bảo đảm tính quy phạm vì Chỉ thị số 28/CT-TTg không phải là văn bản QPPL, Chỉ thị số 28 yêu cầu thực hiện đúng Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP). Đồng thời, Điều 42 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chứcvà Điều 44 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý là: “1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn	Sở Nội vụ	Tháng 12/2024[17]

[17] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					cụ thể của chức vụ bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền". Như vậy, trong trường hợp cần yêu cầu các cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật thì chỉ cần ban hành văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh. b) Về quy định bổ nhiệm cấp trưởng đối với người không giữ chức vụ cấp phó, tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND có quy định: "3. Trường hợp công chức, viên chức có đủ điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1; điểm a, b, c khoản 2 Điều này nhưng chưa trải qua chức vụ Phó trưởng phòng, được xem xét bổ nhiệm Trưở ng phòng khi đảm bảo các điều kiện dưới đâ:y "a) Đã được quy hoạch chức danh Trưởng phòng; b) Có năng lực chuyên môn giỏi , có ít nhất 02 năm liên tục tính đến thời điểm bổ nhiệm đươc xếp loại công chứ, viên chức hoà c n thành xuất sắc nhiệm vụ; c) Có uy tín trong cơ quan , đơn vị ; có triển vọng phát triển được Thủ trưở ng cơ quan, đơn vị nơi công tác nhận xét, đánh giá bằng văn bản." Trong khi đó: - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					số 115/2020/NĐ-CP quy định: Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng và Nhà nước và tiêu chuẩn cụ thể của chức vụ được bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; trong quy hoạch… - Khoản 3 Điều 18 Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử có quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn là: "3. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. + Điểm 1.2 khoản 1 Điều 8 Quy định số 80-QĐ/TW quy định: "Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, quyết định phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh, thành phố (nơi không có ban cán sự đảng, đảng đoàn)." Quy định này là nhạy cảm, vì không được lượng hóa cụ thể có thể phát sinh tiêu cực. Nếu chỉ xác định thực hiện theo quy định của pháp luật thì quy định tại Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND là		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					không bảo đảm căn cứ pháp lý. Nếu thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ và thực hiện theo Quy định số 80 thì nội dung "Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định" mặc dù có thể hiểu linh hoạt là cả về thời gian giữ chức vụ cấp phó ít hơn 02 năm hoặc chưa giữ chức vụ cấp phó - nhưng cấp có thẩm quyền là theo quy định của tỉnh ủy - cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ. Vấn đề có liên quan là: - Với quy định tại khoản 3 Điều 4, bổ nhiệm Trưởng phòng không qua Phó phòng thì điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4: "Có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3 đối với bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng và tương đương" là không khả thi vì chưa được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý thì không đủ điều kiện đi học đối tượng 3 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục Quốc phòng và an ninh. "c) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh quyết định		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					triệu tập đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) quản lý, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc cơ quan, tổ chức của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh và của Trung ương có trụ sở trên địa bàn cấp tỉnh theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; Đối tượng quy định tại điểm này gọi là đối tượng 3;”		
17	Quyết định	178/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	Ban hành Quy chế tổ chức xét, tôn vinh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	- Căn cứ pháp lý ban hành: + Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 18 tháng 6 năm 2009; + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 + Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 8/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng được that thế bằng Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 (có hiệu lực ngày 01/01/2024). + Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 được thay thế bằng Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng		
					Điểm c, đ, khoản 1 Điều 12 quy định tổ chức, hoạt động và nhiệm vụ của Hội đồng xét tôn vinh c) Các ủy viên là lãnh đạo các cơ quan: …**Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng** và một số thành phần khác được mời tham gia khi cần thiết; d) Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng làm thư ký Hội đồng. - Khoản 5 Điều 13 quy định "Trước ngày		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					30/8... về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)" Không còn phù hợp vì hiện nay không còn Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2021 về viêc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự Sở Nội vụ quy định:1. Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức thuộc Sở. a) Tổ chức lại Ban Thi đua - Khen thưởng thành Phòng Thi đua, khen thưởng. - Quy chế tổ chức xét, tôn vinh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân tiêu biểu sẽ được quy định trong Quyết định Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định thay thế Quyết định số 37/2017/QĐUBND 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018).		
XII. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 văn bản)							
1	Quyết định	747/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	Ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	- Căn cứ pháp lý ban hành: Một số văn bản làm căn cứ pháp lý đã sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác: + Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang tham mưu cho Chính phủ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. + Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư được thay thế bằng Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lực chọn nhà đầu tư; + Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư được thay thế bằng Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư + Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình nước sạch tập trung nông thôn tập trung được thay thế bằng Thông tư số 73/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/12/2022 quy định chế độ		ban hành Nghị định quy định cấp nước sinh hoạt nông thôn. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu trình UBND tỉnh ban hành văn bản thay thế.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. - Căn cứ pháp lý mới: Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.		
					- Một số nội dung quy định viện dẫn (điều chỉnh trực tiếp nội dung văn bản) đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác: + Tại Khoản 2, Điều 1; điểm a, Khoản 1, Điều 3 viện dẫn thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP (được thay thế bằng Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.) + Khoản 1, Điều 4: Về lựa chọn tổ chức, cá nhận đầu tư, quản lý, khai thác công trình, viện dẫn "Thực hiện theo các Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 54/2013/TT-BTC" (được thay thế bằng Thông tư số 73/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/12/2022 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) + Nội dung khoản 1,2,3,4 Điều 6 của Quyết		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					định, viện dẫn áp dụng tại một số điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống; Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế; Thông tư 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế Quy định việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt (được thay thế bằng Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) + Điều 9 viện dẫn áp dụng theo Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn (được thay thế bằng Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					hoạt).		
2	Quyết định	47/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	Quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành toàn bộ và một phần do được thay thế, sửa đổi, bổ sung: + Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012 được thay thế bằng Luật Giá năm 2023 (hiệu lực thi hành ngày 01/7/2024). + Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 83/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. + Thông tư số 32/2018/TT BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng được thay thế bằng Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng (hiệu lực thi hành ngày 01/7/2024)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tháng 10/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					- Một số nội dung văn bản không còn phù hợp: Điều 4 quy định Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh theo các phụ lục không còn phù hợp với Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng.		
XIII. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, THUẾ (35 văn bản)							
1	Nghị quyết	51/2001/NQ-HĐND ngày 25/7/2001	Quy định về việc cấp kinh phí hoạt động cho đại biểu HĐND tỉnh ở đơn vị sản xuất kinh doanh, đại biểu không thuộc biên chế nhà nước	Bãi bỏ	Các căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 51/2001/NQ-HĐND đến nay đã hết hiệu lực: + Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1994 đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; + Nghị quyết số 301/NQ-UBTVQH ngày 25/6/1996 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của HĐND các cấp đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của HĐND các cấp. - Mặt khác, tình hình kinh tế - xã hội đất nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói riêng từ năm 2001 đến nay đã có nhiều thay đổi, do đó, mức kinh phí cấp cho đại biểu HĐND quy định trong Nghị quyết số 51/2001/NQ-HĐND không còn phù hợp.	Thường trực HĐND tỉnh	- Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024
2	Nghị quyết	31/2008/NQ-	Về việc Quy định	Bãi bỏ	- Phần căn cứ pháp lý ban hành: Tại thời điểm	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
		HĐND ngày 10/12/2008	chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận "một cửa"; cán bộ thúy cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ "Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên"		ban hành, các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND là phù hợp. Tuy nhiên, tại thời điểm rà soát, văn bản là căn cứ pháp lý để ban hành đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Thông tư liên tịch số 05/2003/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 24/02/2003 của Bộ GD&ĐT-Bộ Nội vụ-Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách phát triển giáo dục mầm non đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11/3/2013 của Bộ GD&ĐT-Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015. + Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở		quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024[18] - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

[18] Tại Công văn tham gia ý kiến của Sở Nội vụ nhất trí với Danh mục do Sở Tư pháp lập và không bổ sung thời hạn xử lý Nghị quyết này

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					địa phương đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.		
					- Về nội dung: Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND quy định 05 chế độ chính sách. Tuy nhiên, đến nay 03 chính sách (bao gồm: chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ "Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên" quy định tại Khoản 1, 2, 5 Điều 1) đã hết hiệu lực thi hành và 02 chính sách còn hiệu lực thi hành nhưng không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể: + Điểm a, b khoản 3 Điều 1 đến nay không còn được áp dụng: "3. Phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận "một cửa" a) Mức phụ cấp **200.000** đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức bộ phận "một cửa" cấp tỉnh, cấp huyện. b) Mức phụ cấp **100.000** đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức bộ phận "một cửa" cấp xã".		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					Do áp dụng mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. + Điểm c khoản 3 Điều 1 đã được sửa đổi bởi Điều 1 Nghị quyết số 26/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 sửa đổi điểm c, khoản 3, Điều 1; Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh. + Khoản 4 Điều 1 quy định phụ cấp cán bộ thú y cơ sở là **"a) Cán bộ thú y xã, thị trấn: Hưởng theo trình độ chuyên môn (đại học hệ số 2,34; Cao đẳng hệ số 2,10; Trung cấp hệ số 1,86)** **b) Cán bộ thú y thôn bản: Mức tối thiểu bằng mức phụ cấp Trưởng các đoàn thể thôn, bản do Ngân sách huyện, thành phố cân đối**" không còn phù hợp Điều 5 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP quy định Chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y ở xã, phường, thị trấn 1. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, **Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn (sau**		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					đây gọi là nhân viên thú y xã) theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Luật thú y. (Khoản 2 Điều 6 của Luật thú y quy định: Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.) 2. Nhân viên thú y xã được **hưởng chế độ phụ cấp và bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và được thực hiện chế độ bảo hiểm theo quy định tại Luật bảo hiểm xã hội năm 2014**. (Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 29/2013/NĐ-CP quy định: 3. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau: "Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					tế để chi trả hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau: 1. Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 tháng lương tối thiểu chung; 2. Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 tháng lương tối thiểu chung; 3. Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 tháng lương tối thiểu chung.") 3. Nhân viên thú y xã được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. (Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP quy định: 1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được hưởng chế độ như quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này (bao gồm: Được cấp tài liệu học tập; Được hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; Được hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập).		
3	Nghị quyết	26/2009/NQ-HĐND ngày	Sửa đổi điểm c, khoản 3, Điều 1,	Bãi bỏ	- Tại thời điểm rà soát, toàn bộ nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp với quy định	Sở Nội vụ	- Thời gian cơ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
		09/12/2009	Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14 về Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận "một cửa"; cán bộ thú y cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ "Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên"		của pháp luật hiện hành: Điều 1 Nghị quyết quy định : "c) Kinh phí chi trả phụ cấp cho cán bộ, công chức bộ phận "một cửa" trong kế hoạch kinh phí của địa phương, đơn vị (cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp làm việc ngày thứ bảy để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 127/2007/QĐ-TTg ngày 01/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ thì được hưởng lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính và Công văn số 5341/BTC-HCSN ngày 12/5/2008 của Bộ Tài chính)." Việc viện dẫn áp dụng Quyết định số 127/2007/QĐ-TTg tại thời điểm rà soát đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 14/2010/QĐ-TTg ngày 12/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về làm việc ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. - Mặt khác, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp làm việc từ		quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024[19] - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

[19] Tại Công văn tham gia ý kiến của Sở Nội vụ nhất trí với Danh mục do Sở Tư pháp lập và không bổ sung thời hạn xử lý Nghị quyết này

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					thứ hai đến thứ sáu, không làm việc ngày thứ bảy để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND tỉnh Về lĩnh vực, thời gian tổ chức làm việc ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh bị bãi bỏ bởi Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND tỉnh. - Đồng thời, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang điều chỉnh nội dung trên.		
4	Nghị quyết	07/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010	Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách Nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 + Luật Bảo vệ môi trường năm 2005hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 + Nghị định số 60/2003/NĐ-CP năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 6/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					hành Luật Ngân sách nhà nước hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 163/2016/NĐ-CP năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước + Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường		
					- Nội dung Điều 5, Điều 6 không còn phù hợp với khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC, cụ thể: "**Điều 5. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh** 1. Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 đến 2020; thực hiện các chương trình quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước bảo vệ môi trường. 2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án: - Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý nằm trong danh mục dự án theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. - Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học thụ hưởng ngân sách tỉnh và các cơ sở giam giữ của nhà nước do cấp tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp. - Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh. 3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm: hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường, hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường. 4. Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên của Nhà nước; quản lý cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, nhân giống một số loài động vật quý		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					hiểm có nguy cơ tuyệt chủng do cấp tỉnh quản lý. 5. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp tỉnh (bao gồm: thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng. 6. Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh. 7. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường. 8. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh; Hỗ trợ lực lượng cảnh sát môi trường tỉnh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. 9. Tuyên truyền, tập huấn, nhân rộng các điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh. 10. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường hàng năm cho tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp nhiệm vụ bảo vệ môi		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					trường được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. 11. Hỗ trợ các ngành, cơ quan có liên quan của tỉnh phối hợp tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh 12. Hỗ trợ các hoạt động thực hiện các dự án, đề án bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu theo tinh thần của Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28/7/2006 của Thủ tướng chính phủ. 13. Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh do cấp tỉnh quản lý. 14. Hỗ trợ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh theo quy định quản lý ngân sách. 15. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc cấp tỉnh. **Điều 6. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường các huyện, thành phố** 1. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án: - Thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					chế, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh. - Dự án xử lý chất thải cho một số cơ sở y tế, trường học thụ hưởng ngân sách các huyện, thành phố không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp. - Các dự án, đề án bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố. 2. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng. 3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm: hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường. 4. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp huyện (bao gồm: thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng. 5. Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; Xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của các huyện,		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					thành phố. 6. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền các huyện, thành phố. 7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường, nhân rộng các điển hình tiên tiến bảo vệ môi trường địa bàn các huyện, thành phố. 8. Chi giải thưởng, khen thưởng bảo vệ môi trường các huyện, thành phố cho các tổ chức và cá nhân có thành tích đóng góp vào nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý. 9. Hợp đồng lao động có chuyên môn nghiệp vụ về môi trường ở các huyện, thành phố và cấp xã. 10. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc các huyện, thành phố.” (Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC quy định: **“2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương** a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường của địa phương;		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường địa phương; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của địa phương; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của địa phương; c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương; d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của địa phương (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của địa phương; đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của địa phương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ. e) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm: - Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ; - Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại địa phương (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải). - Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền; g) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					h) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường địa phương; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của địa phương; i) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội). Nội dung hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; k) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển. l) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định; m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của địa phương và theo quyết định của cấp có thẩm quyền; n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của địa phương; o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có); p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường; r) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã; s) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của địa phương.") - Khoản 1 Điều 7 viện dẫn đến Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT hiện nay đã hết hiệu lực được thay thế bằng Thông tư số 02/2017/TT-BTC.		
5	Nghị quyết	32/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010	Về cấp vốn ban đầu và trích lập Quỹ phát triển đất	Bãi bỏ	- Phần căn cứ pháp lý ban hành: Tại thời điểm ban hành, các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND là phù hợp. Tuy nhiên, tại thời điểm rà soát, văn bản là căn cứ pháp lý để ban hành đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. + Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều,	Sở Tài chính	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị trình: tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					khoản của Luật Đất đai. Tại thời điểm rà soát, toàn bộ nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp vì đã hết thời gian thực hiện cấp vốn ban đầu cho Quỹ phát triển đất và trích 30% số thu tiền sử dụng đất, tiền đấu giá quyền sử dụng đất: Điều 1 quy định: 1. Cấp vốn ban đầu cho Quỹ phát triển đất 20.000.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn) từ nguồn ngân sách tỉnh. Việc cấp vốn ban đầu **được thực hiện trong 02 năm 2011 và 2012**, mỗi năm 10 tỷ đồng. 2. Trích 30% số thu tiền sử dụng đất, tiền đấu giá quyền sử dụng đất **theo dự toán giao thu hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2011 – 2015** (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để lập Quỹ phát triển đất của tỉnh.		
6	Nghị quyết	32/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011	Quy định chế độ đóng góp và miễn giảm đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh	Bãi bỏ	- Về căn cứ pháp lý hết hiệu lực: + Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma tuý ngày 03/6/2008 được thay thế bằng Luật Phòng, chống ma túy ngày 30/03/2021 + Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị trình: tháng 7/2024[20] - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

[20] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					Luật Phòng, chống ma tuý về quản lý sau cai nghiện ma tuý được thay thế bằng Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; + Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện được thay thế bằng Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy Về nội dung: Tại thời điểm rà soát việc thực hiện các quy định chế độ đóng góp và miễn giảm đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh được thực hiện theo Luật Phòng, chống ma túy ngày 30/03/2021; trong đó không quy định người sau cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					nghiện ma túy tỉnh. Do vậy các nội dung của Nghị quyết số 32/2011/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và không cần thiết ban hành văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.		
7	Nghị quyết	15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013	Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước được thay thế bằng Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/22019 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.	Sở Nội vụ	Sau khi thực hiện cải cách tiền lương
8	Nghị quyết	11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			Giang				
9	Nghị quyết	19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	Quy định cơ chế, chính sách hợp đồng giáo viên mầm non; mức thu học phí bậc học mầm non trong các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập được thay thế bằng Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. - Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 được thay thế bằng Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người, làm việc trong các cơ Sở giáo dục mầm non công lập được thay thế bằng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sau khi giải quyết được cơ chế, chính sách đối với các giáo viên đã được ký hợp đồng theo Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND: "2. Chế độ tiền lương và các chế độ khác của giáo viên hợp đồng lao động theo Nghị quyết này được đảm bảo như giáo viên hợp đồng làm việc trong biên chế; 3. Kinh phí tổ chức thực hiện a) Nguồn thu học phí được cân đối để chi lương, phụ cấp cho giáo viên mầm non; b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các khoản đóng góp bắt buộc (tổng 24% quỹ lương); trong đó: Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo 50%. Riêng hợp đồng giáo viên mầm non tại huyện Sơn Động và các xã đặc biệt khó khăn do ngân sách cấp tỉnh chi trả 100% lương, phụ cấp và các khoản đóng góp bắt buộc.". Như vậy, chế độ, chính sách của 854 giáo viên hợp đồng theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND cơ bản như giáo viên trong biên chế. Ngày 30/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP về hợp đồng đối với một số công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, do đó nội dung này		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					không còn phù hợp.		
10	Nghị quyết	41/2019/NQ-HĐND 11/12/2019	Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	Căn cứ pháp lý trực tiếp của Nghị quyết hết hiệu lực từ ngày 17/11/2023 và được thay thế bằng Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể: - Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp; - Thông tư 14/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp. - Các mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không còn phù hợp với quy định của Thông tư 21/2023/TT-BYT do điều chỉnh mức lương cơ	Sở Y tế	Tháng 7/2024[21]
11	Nghị quyết	50/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Bổ sung khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang				

[21] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng.		
12	Nghị quyết	37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực: Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thay thế bằng Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Một số nội dung không còn phù hợp và chưa được điều chỉnh để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương: - Toàn bộ quy định hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, trình tự thủ tục) không phù hợp với quy định của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương. - Văn bản được viện dẫn đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Điều 3- Nguyên tắc áp dụng, Điều 7- Trình tự, thủ tục thực hiện, Điều 8- Điều kiện hỗ trợ, Điều 9- Mức hỗ trợ, Điều 10- Trình tự, thủ tục thực hiện, Điều 11- Điều kiện hỗ trợ, Điều 12. Mức hỗ trợ viện dẫn Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: Tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					doanh nghiệp nhỏ và vừa hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, hiện nay các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính đã ban hành các Thông tư: + Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; + Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; + Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 24/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính – ngân sách Nhà nước 3 năm 2024-2026; Căn cứ những văn bản pháp lý đã được ban hành mới như ở trên và rà soát, đối chiếu với		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, thì việc sửa đổi Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND là không cần thiết, vì vậy, đề nghị bãi bỏ.		
13	Nghị quyết	59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Quy định hỗ trợ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung cho người có công với cách mạng và thân nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý ban hành: Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.	Sở Lao động - TB&XH	Tháng 12/2024[22]
14	Nghị quyết	07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	Quy định nội dung và mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận	Thay thế	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: - Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; - Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày	Sở Tài chính	Tháng 7/2024[23]

[22] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024
[23] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; - Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ Tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 14/2017/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng chính phủ về bãi bỏ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ Tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. - Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 ngày 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở được thay thế bằng Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở - Điểm a mục 1 Phụ lục I, mục 11 Phụ lục II		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					quy định chi thù lao báo cáo viên cấp tỉnh: "Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại Tiểu mục 1.1, Mục 1, Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC" đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.		
15	Nghị quyết	39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	Sửa đổi, bổ sung nội dung, mức chi cho công tác hòa giải tại mục 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh		- Mức chi tại Phụ lục kèm theo 02 Nghị quyết không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương (các mức chi thấp hơn so với quy định của Thông tư số 56/2023/TT-BTC và thực tiễn việc chi cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở địa phương) - Một số mức chi chưa được quy định: việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL (thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật; chi biên soạn sách nói pháp luật; chi biên soạn bài giảng điện tử …); nhiệm vụ mới trong đánh giá công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (họp		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					tư vấn, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật…); việc triển khai nhiệm vụ truyền thông chính sách theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và việc triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 – 2027".		
16	Nghị quyết	12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016	Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Bãi bỏ	Nghị quyết đã không còn thực hiện trên thực tiễn, tuy nhiên, không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây: 1. Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản. 2. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó. 3. Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					nước có thẩm quyền. 4. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương.		
17	Nghị quyết	07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021	Bãi bỏ	Nghị quyết đã không còn thực hiện trên thực tiễn, tuy nhiên, không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương.	Sở Giao thông vận tải	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024
18	Nghị quyết	06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021				
19	Nghị quyết	26/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quy định nội dung, mức chi đối với các Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Nội dung không còn phù hợp của Nghị quyết: do mức chi giải thưởng không phù hợp với tình hình thực tế chi giải thưởng tại tỉnh Bắc Giang.	Sở Tài chính	Tháng 7/2024[24]
20	Nghị quyết	29/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2016-2020	Bãi bỏ	Nghị quyết đã không còn thực hiện trên thực tiễn, tuy nhiên, không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: Tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024
21	Nghị quyết	34/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh	Bãi bỏ	Nghị quyết đã không còn thực hiện trên thực tiễn, tuy nhiên, không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo	Sở Giao thông vận tải	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024

[24] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020		phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.		- Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 7/2024
22	Nghị quyết	47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Quy định mức hỗ trợ một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực: Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được thay thế bằng Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 - Nội dung văn bản: + Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết quy định "Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính…". Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được thay thế bằng Thông tư số Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ tài chính.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 7/2024[25]

[25] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					+ Tại khoản 5 của Điều 2 quy định viện dẫn thực hiện "Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh". Điều 4 của Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.		
23	Quyết định	139/2004/QĐ-UBND ngày 29/12/2004	Về việc quy định, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin điện thoại, trong các cơ quan, điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với	Thay thế	Căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành: - Quốc hội đã ban hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 48/2005/QH11 ngày 29/11/2005 nên nghị định số 38/1998/NĐ-CP ngày 09/6/1998 quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí không còn phù hợp; - Thông tư số 98/1998/TT-BTC ngày	Sở Tài chính	Tháng 9/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị-xã hội của tỉnh Bắc Giang		14/7/1998 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 73/2001/TT-BTC ngày 30/8/2001 và Thông tư số 29/2003/TT-BTC ngày 14/4/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội.		
24	Quyết định	150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013	Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thuỷ lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: + Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001 được thay thế bằng Luật Thủy lợi năm 2017 + Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ thi hành chi tiết một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi bị bãi bỏ bởi Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy	Sở Tài chính	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 9/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
25	Quyết định	639/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	Sửa đổi Khoản 1, Điều 1 Quyết định 150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thuỷ lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp - Nội dung văn bản không còn phù hợp: các mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang không còn phù hợp với quy định của Luật Thủy Lợi năm 2017 và tình hình thực tiễn của địa phương. - Việc xác định các mức thu tiền nước tại Quyết định: đề nghị Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội của địa phương và văn bản của cơ quan nhà nước ở Trung ương để xác định nội dung tham mưu hình thức xử lý phù hợp.		
26	Quyết định	358/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014	Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa	Thay thế	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: + Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008 được thay thế bằng Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 + Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng	Sở Tài chính	Tháng 9/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			bàn tỉnh Bắc Giang		tài sản nhà nước được thay thế bằng Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công. + Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP được thay thế bằng Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Chính phủ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công + Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc quản lý, khai thác phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước được thay thế bằng Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước (hiện nay là Thông tư số		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công) + Nghị quyết số 15/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang - Nội dung văn bản không còn phù hợp: Điều 4. Lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào CSDL; Điều 10-Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không phù hợp với quy định của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Thông tư số 144/2017/TT-BTC, Thông tư số 48/2023/TT-BTC.		
27	Quyết định	739/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014	Ban hành Quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	Căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Luật Giá năm 2012 hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Giá năm 2023 (hiệu lực 01/07/2024) Nội dung điểm e, khoản 1, khoản 2 Điều 9, Điều 10 viện dẫn Luật Giá năm 2012 không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	Sở Tài chính	Tháng 9/2024
28	Quyết định	27/2017/QĐ-UBND ngày	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
		04/8/2017	định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 739/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang				
29	Quyết định	337/2015/QĐ-UBND ngày 14/8/2015	Quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	- Phần căn cứ pháp lý ban hành: Tại thời điểm ban hành, các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành Quyết định này là phù hợp. Tuy nhiên, tại thời điểm rà soát, một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định: "Cơ quan chức năng ... trình UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31/12 để	Sở Tài chính	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 3/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					công bố áp dụng từ ngày 01/01 năm tiếp theo liền kề". - Nội dung Bảng giá tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 337/2015/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.		
30	Quyết định	45/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	Quy định biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Phần căn cứ pháp lý ban hành: một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế, bãi bỏ bằng văn bản khác: + Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế được thay thế bằng Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 16/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. + Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô được thay thế bằng Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô + Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ bị bãi bỏ một phần văn bản (Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021	Cục Thuế tỉnh	Tháng 10/2024
31	Quyết định	35/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều và bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh quy định biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					của Bộ Giao thông vận tải Bãi bỏ Điều 3 và Điều 4 của Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. 2. Việc niêm yết tại quầy bán vé, trên xe ô tô các thông tin theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2021.) - Nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành: Điểm c Khoản 2 Điều 2 viện dẫn văn bản đến nay đã hết hiệu lực thi hành: Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;		
32	Quyết định	13/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	Quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực do được thay thế bằng văn bản khác: + Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thay thế bằng Chính phủ ban hành Nghị định số	Sở Tài chính	Tháng 9/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang		72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. - Khoản 3 Điều 2 viện dẫn văn bản đến nay đã hết hiệu lực thi hành: "theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô" - Khoản 2 Điều 3 quy định "Không thực hiện khoán đối với các đơn vị được trang bị đủ định mức xe ô tô dùng chung; xe ô tô chuyên dùng là xe 7 chỗ ngồi hai cầu, xe ô tô bán tải." – không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP: "b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương". - Nội dung văn bản chưa được điều chỉnh: đối với xe ô tô chuyên dùng, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP đã giao trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh quyết định chủng loại, số lượng và mức giá cụ thể đối với xe ô tô phục vụ công tác của địa phương.		
	Quyết định	10/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực: Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn	Sở Tài chính	Tháng 9/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang		chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. - Điều 2 quy định đối tượng áp dụng viện dẫn văn bản đến nay đã hết hiệu lực thi hành: "Theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp".		
XIV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG (18 văn bản)							
1	Quyết định	162/2011/QĐ-UBND ngày 29/4/2011	Ban hành quy định về giải thưởng môi trường tỉnh Bắc Giang	Thay thế	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực: Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 được thay thế bằng Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023. - Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005	Sở Tài nguyên và môi trường	Tháng 9/2024
2	Quyết định	261/2016/QĐ-	Về việc sửa đổi, bổ				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
		UBND ngày 11/5/2016	sung một số điều của Quy định về giải thưởng môi trường tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 162/2011/QĐ-UBND ngày 29/4/2011		được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. - Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường được thay thế bằng Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được thay thế bằng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Nội dung không phù hợp: nội dung và mức chi cụ thể cho hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Điều 6), Trách nhiệm của các đơn vị thụ hưởng kinh phí từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Điều 8)		
3	Quyết định	768/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014	Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành do bị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung bằng văn bản khác: + Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và môi trường	Tháng 11/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					được thay thế bằng Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước + Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ (Điều 2 quy định nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản) + Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất được thay thế bằng Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
4	Quyết định	56/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 768/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh		- Nội dung không phù hợp: + Khoản 2, khoản 3 Điều 1 Sửa đổi, bổ sung Điều 11, Điều 12 Quyết định số 768/2014/QĐ-UBND viện dẫn thực hiện theo quy đinh Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được thay thế bằng Nghị định số 02/2023/NĐ-CP + Khoản 7 Điều 1 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Quyết định số 768/2014/QĐ-UBND viện dẫn thực hiện theo quy định "Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản" + Viện dẫn "Hồ sơ đề nghị cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy định tại Mẫu số 01, 02, 04, 05, 07 của Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ." "thực		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					hiện theo quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT". (Điều 13, Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất đã bị sửa đổi bổ sung bởi điểm b, c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT). Các nội dung viện dẫn nêu trên điều chỉnh trực tiếp các nội dung Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND.		
5	Quyết định	152/2012/QĐ-UBND ngày 06/6/2012	Ban hành quy định quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý để ban hành văn bản là Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; - Thông tư liên tịch số 197/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 08/12/2010 của liên bộ Tài chính - Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hết hiệu lực vì bị bãi bỏ bởi Thông tư số 153/2013/TT-BTC quy định thủ tục thu nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính;	Sở Tài nguyên và môi trường	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 12/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					- Nội dung có thay đổi: nội dung và mức chi cụ thể cho hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Điều 6), trách nhiệm của các đơn vị thụ hưởng kinh phí từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Điều 8)		
6	Quyết định	10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	Thay thế	Mặc dù đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024, tuy nhiên Ngày 18/01/2024, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV, biểu quyết thông qua dự án Luật đất đai sửa đổi (Luật Đất đai 2024 thay thế Luật Đất đai 2013), có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa có căn cứ để tham mưu nội dung văn bản.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 6/2024[26]
7	Quyết định	70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh				

[26] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			Bắc Giang				
8	Quyết định	21/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đất và điều kiện tách thửa, hợp thửa đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang				
9	Quyết định	26/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực: Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn được thay thế bằng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. - Một số nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật: Khoản 4 Điều 1 - bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 viện dẫn theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 4/2024[27]
10	Quyết định	21/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa				

[27] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang		Quốc hội Thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn.		
11	Quyết định	17/2021/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 - Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thay thế bằng Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Một số nội dung của Quyết định không còn phù hợp với quy định hiện hành: Điều 1- Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang không còn phù hợp với Điều 7 - Phương pháp tính phí Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 9/2024[28]

[28] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
12	Quyết định	71/2021/QĐ-UBND ngày 19/12/2021	Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 - Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng; Đề xuất: Hiện nay, Chính phủ chưa ban hành Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2020 nên Sở Tài nguyên và Môi trường chưa có căn cứ để sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 theo khoản 1, Điều 114. Thông tin về môi trường, Luật BVMT năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 12/2024
13	Quyết định	72/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	Ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2022-2024 tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	- Nhiều khu đô thị mới, khu dân cư mới được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, một số tuyến đường mới được cải tạo, nâng cấp và hình thành mới nhưng chưa quy định giá đất; một số vị trí giáp ranh có sự chênh lệch về giá đất; - Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 02/2024[29]

[29] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					công trình công cộng trên địa bàn thành phố Bắc Giang, Huyện Hiệp Hòa, huyện Lục Nam, Lạng Giang, Việt Yên		
14	Quyết định	48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	Ban hành Quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND quy định đối với nguồn nước mặt có thông số không còn khả năng chịu tải thì yêu cầu cơ sở xả nước thải vào nguồn nước mặt phải xử lý đạt quy chuẩn cột A đối với thông số đó (khoản 3 Điều 5); theo khoản 2 Điều 7 Luật BVMT quy định: Không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư mới có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào môi trường tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải hoặc trường hợp dự án đầu tư xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 8/2024[30]

[30] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
15	Quyết định		quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993	Ban hành mới	Điều 137 Luật Đất đai sửa đổi giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 6/2024[31]
16	Quyết định		quy định hạn mức giao đất ở tại nông thôn	Ban hành mới	Điều 137 Luật Đất đai sửa đổi quy định: Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 6/2024[32]
17	Quyết định		quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Ban hành mới	Điều 176 Luật Đất đai sửa đổi quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 6/2024[33]
18	Quyết định		quy định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng	Ban hành mới	Quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 6/2024[34]

[31] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024
[32] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024
[33] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024
[34] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			chất có ích để tính phí bảo vệ môi trường				
XV. LĨNH VỰC THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG (0 văn bản)							
XVI. LĨNH VỰC THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG (04 văn bản)							
1	Quyết định	90/2012/QĐ-UBND ngày 10/4/2012	Ban hành Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng tin học diện rộng của UBND tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: + Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật viễn thông + Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11/08/2011 Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước được thay thế bằng Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước - Hiện nay, Sở Thông tin và Truyền thông đang thuê dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối từ các sở, ban, ngành đến các xã, phường, thị trấn và mạng tin học diện rộng kết	Sở Thông tin và Truyền thông	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 12/2025 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					nối các sở, ban, ngành đến Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh của Cục Bưu điện Trung ương và VNPT Bắc Giang nên việc đảm bảo an toàn thông tin do VNPT thực hiện theo các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.		
2	Quyết định	34/2020/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Khoản 2 Điều 7 viện dẫn văn bản hết hiệu lực: Thông tư số 04/2018/TT-BTTTT ngày 8 tháng 5 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông thì phải có Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng và Đăng ký kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu được thay thế bằng Thông tư số 5/2019/TT-BTTTT ngày 09/07/2019 Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (hiện nay là Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31/5/2023 Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông) - Thiếu các quy định đáp ứng đầy đủ các quy định về phương án quản lý đảm bảo an toàn thông tin căn cứ theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 12/2025

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Do đó, cần bổ sung thêm một số điều đáp ứng theo tiêu chuẩn về quản lý đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ		
3	Quyết định		Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang	Ban hành mới	Quy định trách nhiệm và nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 12/2024[35]
4	Quyết định		Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang	Ban hành mới	Quy định trách nhiệm và nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn thông tin choTrung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh và tuân thủ quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ -CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 12/2024[36]
XVII. LĨNH VỰC TƯ PHÁP (01 văn bản)							
1	Quyết định	25/2020//QĐ-UBND ngày 01/8/2020	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn	Thay thế	Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành: - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm được thay thế bằng Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính	Sở Tư pháp	Sau khi Bộ Tư pháp ban hành Thông tư, sửa đổi, bổ sung hoặc

[35] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

[36] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm Một số nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành: - Điểm e, g Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 25/2020//QĐ-UBND quy định: 1. **Sở Tư pháp** e) Chủ trì tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho công chức, viên chức thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; công chứng viên, người giúp việc cho công chứng viên; đại diện các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh. g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, các tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định của pháp luật về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất." - Điểm d Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 25/2020//QĐ-UBND quy định d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh những nội dung đã rà soát ở trên, điểm c khoản 4 Điều 3, Điều 7, Điều 8 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND dẫn chiếu đến Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25 tháng		thay thế Thông tư số 07/2019/TT-BTP.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất - là căn cứ pháp lý trực tiếp điều chỉnh nội dung của văn bản; trong đó có quy định về trách nhiệm của Sở Tư pháp (Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 07/2019/TT-BTP). Tuy nhiên, hiện nay, Thông tư số 07/2019/TT-BTP chưa được sửa đổi hoặc thay thế.		
XVIII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG (04 văn bản)							
1	Quyết định	19/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Quy định tiêu chí ưu tiên xét duyệt đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý: Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 201 4 được thay thế bằng Luật Nhà ở năm 2023 (có hiệu lực ngày 01/01/2025) Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được thay thế bằng Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và	Sở Xây dựng	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 12/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					quản lý nhà ở xã hội Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nội dung không còn phù hợp: ngày 01/4/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2021/NĐ-CP, theo đó: Điều 23 của Nghị định 100/2015/NĐ-CP quy định về "Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội" ." đã được sửa đổi không còn quy định xét duyệt theo thang điểm. Do đó, Quy định "tiêu chí ưu tiên xét duyệt đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang" ban hành theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh không còn phù hợp.		
2	Quyết định	51/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	Ban hành quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án dự án nhà ở xã hội	Thay thế	Căn cứ pháp lý đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung: - Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013 - Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014.	Sở Xây dựng	Thời gian trình: Sau khi Chính phủ và các bộ ngành ban hành các

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			2không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		- Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Nội dung viện dẫn đến văn bản, quy định đã hết hiệu lực: - Điều 2 Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND viện dẫn "Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; - Điều 8 viện dẫn Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013. - Bên cạnh đó, nội dung Quyết định số		Nghị định, Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn Thi hành Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đấu thầu năm 2023
3	Quyết định	18/2023/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 Quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					51/2021/QĐ-UBND và Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND được xây dựng trên cơ sở Luật Nhà ở 2013 và Luật Đấu thầu 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, sau khi Luật Nhà ở 2023 và Luật Đấu thầu 2023 có hiệu lực, thì các Nghị định, Thông tư nêu trên sẽ không còn hiệu lực và được thay thế bằng các Nghị định, Thông tư mới theo đó phạm vi, đối tượng, nội dung, quy định cụ thể sẽ thay đổi theo. Theo Luật Nhà ở năm 2023 được ban hành ngày 27/11/2023 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, tại Khoản 4 Điều 84 quy định về "Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội" có yêu cầu Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, tiêu chí để lựa chọn và viện dẫn việc lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.		
4	Quyết định	81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	Ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sửa đổi, bổ sung	Theo khoản 5, điều 6, Quyết định 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh: "Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu vực được giao đầu tư, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng. Riêng đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư, khu đô thị, khu dân cư, khu	Sở Xây dựng	Tháng 6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					nhà ở có quy mô nhỏ hơn 2ha hoặc dự án khác có quy mô nhỏ hơn 5ha nằm trong quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã thì không phải lập quy hoạch chi tiết mà chỉ cần lập hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận. Các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến thì không phải lập quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng. Các dự án bãi chứa vật liệu xây dựng, khai thác cát sỏi, nuôi trồng thủy sản không có công trình xây dựng và các dự án sử dụng vốn nhà nước có quy mô diện tích nhỏ hơn 1,0ha thì không phải lập quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng." Như vậy nội dung quy định về quy hoạch tổng mặt bằng tại khoản 5, điều 6, Quyết định 81/2021/QĐ-UBND không còn phù hợp với Điều 1 và Điều 2 Nghị định 35/2023/NĐ-CP, do nội dung lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn chỉ quy định cho khu vực đô thị và khu chức năng..		
XIX. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (05 văn bản)							
1	Nghị quyết		Quy định mức chi đặc thù đối với các Cuộc thi, Hội diễn,	Ban hành mới	Nội dung cơ bản Nghị quyết Quy định mức chi đặc thù đối với các Cuộc thi, Hội diễn, Liên hoan lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn	Sở Văn hoá, Thể thao và	Tháng 12/2024[37]

[37] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			Liên hoan lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh		tỉnh như sau: (1) Những quy định chung; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; (2) nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về mức chi, chế độ chính sách, chi bồi dưỡng cho các Cuộc thi, Hội diễn, Liên hoan trên địa bàn tỉnh; (3) Các điều khoản thi hành.	Du lịch	
2	Quyết định		Ban hành Quy định mô hình quản lý khu, điểm du lịch cấp tỉnh	Ban hành mới	Nội dung cơ bản của Quyết định Ban hành quy định mô hình quản lý khu, điểm du lịch cấp tỉnh như sau: (1) Những quy định chung; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; (2) Nội dung Quy định mô hình quản lý khu, điểm du lịch cấp tỉnh, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quản lý khu du lịch; (3) Quy định quản lý hoạt động khu, điểm du lịch cấp tỉnh; quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, hoạt động của hướng dẫn viên du lịch; Quản lý việc khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch; Quy định về bảo đảm an toàn cho khách trong khu du lịch; Quy định về an ninh trật tự, an toàn xã hội trong các khu du lịch; Quy định về bảo vệ môi trường trong các khu du lịch; Quy định về xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch; Quy định về bảo tồn văn hóa tại các khu du lịch (4) Các điều khoản thi hành	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Tháng 11/2024[38]
3	Quyết định	153/2012/QĐ	Ban hành Quy	Bãi bỏ[39]	Quyết định số 153/2012/QĐ-UBND đến nay	Sở Văn hoá,	- Thời gian cơ

[38] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
		-UBND ngày 08/6/2012	định một số chế độ và trang thiết bị đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao tỉnh Bắc Giang		không được thực hiện nhưng không thuộc các trường hợp đương nhiên hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định chế độ chính sách và hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viện, học sinh năng khiếu thể thao tỉnh Bắc Giang để điều chỉnh các nội dung này.	Thể thao và Du lịch	quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024 - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
4	Quyết định	748/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	Quy định chế độ đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động và thành viên Đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bãi bỏ[40]	Quyết định số 748/2016/QĐ-UBND quy định chi tiết Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND. Tuy nhiên, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 Bãi bỏ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chế độ đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động và thành viên Đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	- Thời gian cơ quan chủ trì tham mưu đề nghị: tháng 7/2024[41] - Thời gian Sở Tư pháp trình: tháng 4/2024
5	Quyết định	32/2018/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Ban hành Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý di	Bãi bỏ một phần	Quy định của pháp luật hiện hành: - Điểm c khoản 1 Điều 5[42] quy định phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch "Thỏa	Sở Văn hoá, Thể thao và	- Tháng .../2024[43]

[39] Báo cáo số 57/BC-SVHTTDL ngày 23/02/2024 Thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2019-2023 thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiến nghị xử lý bằng hình thức sửa đổi, bổ sung, thay thế là không chính xác, phù hợp với quy định tại Điều 130 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

[40] Báo cáo số 57/BC-SVHTTDL ngày 23/02/2024 Thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2019-2023 thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiến nghị xử lý bằng hình thức sửa đổi, bổ sung, thay thế là không chính xác, phù hợp với quy định tại Điều 130 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

[41] Tại Công văn tham gia ý kiến, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nhất trí với Danh mục do Sở Tư pháp lập và không bổ sung thời hạn xử lý Quyết định này

[42] Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND đã bãi bỏ Điểm a, b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; công trình tín ngưỡng, tôn giáo có tiềm năng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		thuận, chịu trách nhiệm đối với việc đưa thêm, di dời, thay đổi tài liệu, hiện vật trong di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia" không phù hợp với Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: 1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, **cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới** thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn **thuộc thẩm quyền của mình**, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Khoản 8 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 UBND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: "8. **Phân cấp, ủy quyền** cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh." - Điều 12 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban	Du lịch	

[43] - Tại Công văn tham gia ý kiến, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nhất trí với Danh mục do Sở Tư pháp lập và không bổ sung thời hạn xử lý Quyết định này;
- Tại Báo cáo số 57/BC-SVHTTDL ngày 23/02/2024 Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch không bổ sung nội dung này

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định: **"Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** 4. **Quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện**, phân cấp hoặc ủy quyền cho sở và Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật."		
LĨNH VỰC Y TẾ (04 văn bản)							
1	Nghị quyết		Quy định nội dung, mức chi các hoạt động Y tế - Dân số giai đoạn 2025-2030	Ban hành mới	Nghị quyết quy định nội dung, mức chi các hoạt động Y tế - Dân số giai đoạn 2025-2030, áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Y tế	Tháng 12/2024[44]
2	Quyết định	05/2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động thanh tra thuộc lĩnh vực Y tế trên	Thay thế	- Căn cứ đã hết hiệu lực: + Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010 được thay thế bằng Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022 có hiệu lực từ ngày 01/7/2023;	Sở Y tế	Tháng 6/2024

[44] Đã nêu tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh ban hành nội dung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			địa bàn tỉnh Bắc Giang		Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thanh tra. - Nội dung trong Quyết định không còn phù hợp: + điểm d, Khoản 1, Điều 7: "Điều 24, Điều 36 của Luật Thanh tra, Điều 13 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP" đã hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thanh tra.		
3	Quyết định	15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019	Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Thay thế	Nội dung không còn phù hợp: Điểm b, Khoản 1; Điểm c Khoản 2 và Điểm c Khoản 3 của Điều 3 của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND quy định phân cấp cho Sở Y tế, UBND huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn quản lý ATTP đối với kinh doanh, quảng cáo thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các cơ sở hành nghề y dược tư nhân được phân cấp tại các khoản 1, 2, 3 Điều 3 của Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND hết hiệu lực do Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định về phân cấp và trách nhiệm QLNN về hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã được Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày	Sở Y tế	Tháng 9/2024
4	Quyết định	23/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
			phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		05/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang bãi bỏ.		
XXI. LĨNH VỰC KHÁC (02 văn bản)							
1	Quyết định	06/2021/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	Ban hành Quy định về tổ chức xét, tôn vinh danh hiệu "Trí thức Bắc Giang tiêu biểu"	Thay thế	- Căn cứ đã hết hiệu lực: Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 được thay thế bằng Luật Thi đua, khen thưởng năm 2023 - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được thay thế bằng quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. - Nội dung không còn phù hợp: - Sửa đổi khoản 1, Điều 10 của Quy chế quy định: Trí thức Bắc Giang tiêu biểu được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Biểu trưng, Bằng khen kèm tiền thưởng theo quy định cho phù hợp và tương đương với danh hiệu doanh nhân tiêu biểu. Sửa thành "Trí thức Bắc Giang tiêu biểu	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	Tháng 10/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					được Chủ tịch UBND tỉnh tặng: Bằng công nhận Trí thức Bắc Giang tiêu biểu, Biểu trưng và kèm theo tiền thưởng bằng 05 (năm) lần mức lương tối thiểu chung theo quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm quyết định tặng danh hiệu". - Điểm c, khoản 1, Điều 7 quy định: Các Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo các cơ quan: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Liên đoàn lao động tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) và đại diện một số cơ quan liên quan. Trong đó, Ban Thi đua khen thưởng sửa đổi thành Phòng Thi đua, khen thưởng.		
2	Quyết định	113/2015/QĐ-UBND ngày 01/4/2015	Ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	Sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ đã hết hiệu lực một phần: Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 - Nội dung không còn phù hợp: + Điều 1: Phạm vi điều chỉnh không phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg: Quy chế quy định về công	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng 7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
					tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bao gồm văn bản mật, tối mật, tuyệt mật. Điều 4- Phân loại các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao không phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg: "1. Nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện.2. Nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện." - Điều 5. Nội dung thông tin phải cập nhật, Điều 6. Quy trình cập nhật thông tin không phù hợp với khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg (trong đó sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm và quy trình cập nhật thông tin; thời hạn cập nhật thông tin trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi; nhiệm vụ, quyền hạn theo dõi, đôn đốc; nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra; trách nhiệm của các cơ quan liên quan)**.**		